



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP

Ngày 30/06/2025	18,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.8%	-4.3%	-2.1%

DT thuần Q2/25
11,931
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1,323 12.5%
YoY: ▼ 702 -5.6%

LN thuần Q2/25
881
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 777 747%
YoY: ▲ 1,179 396%

LN sau thuế Q2/25
877
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 776 769%
YoY: ▲ 1,171 398%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
10.9%
YoY: +/- ▲ 5.7%

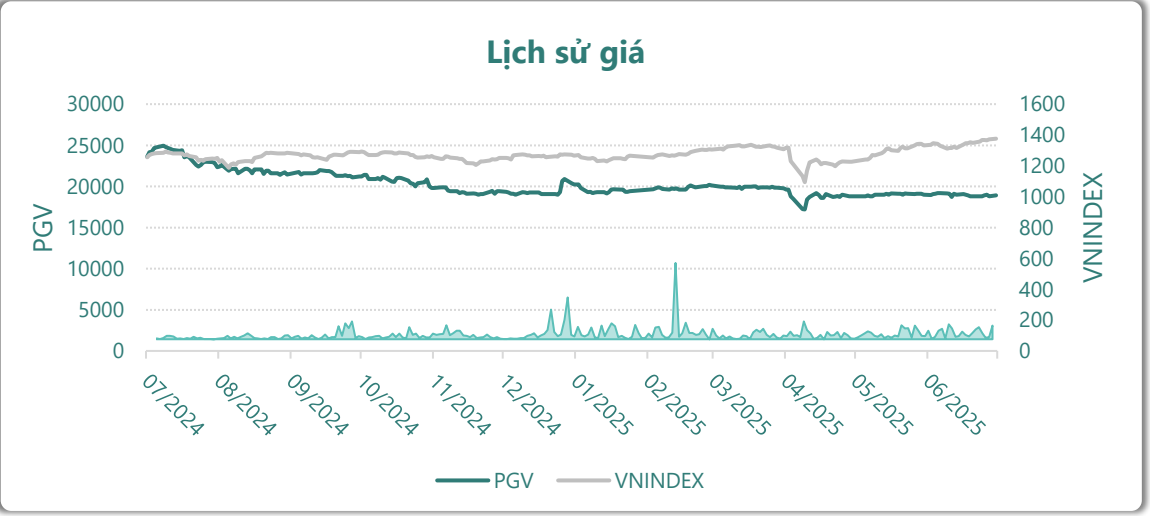
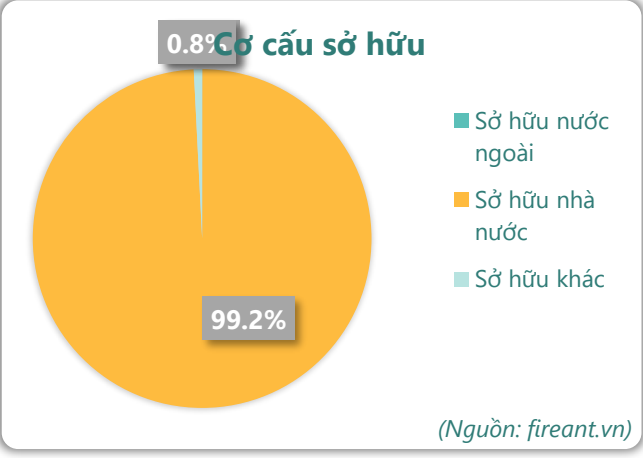
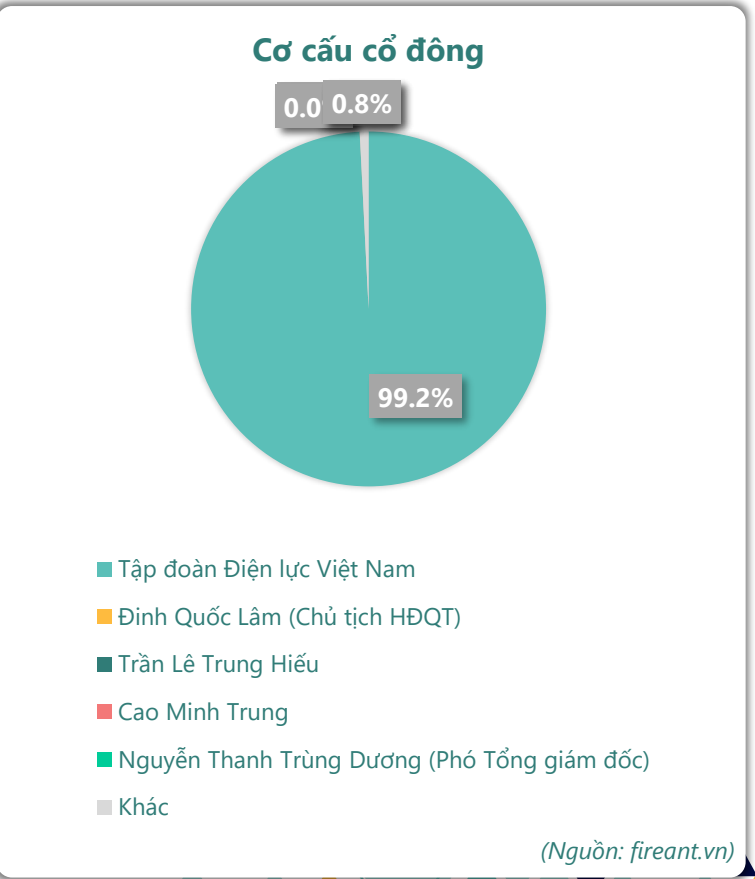
ROE (TTM) Q2/25
6.8%
YoY: +/- ▲ 7.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	17,200 - 24,950
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	21,234
Số lượng CPLH (CP)	1,123,468,046
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,650
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.68
EPS	908
P/E	20.8

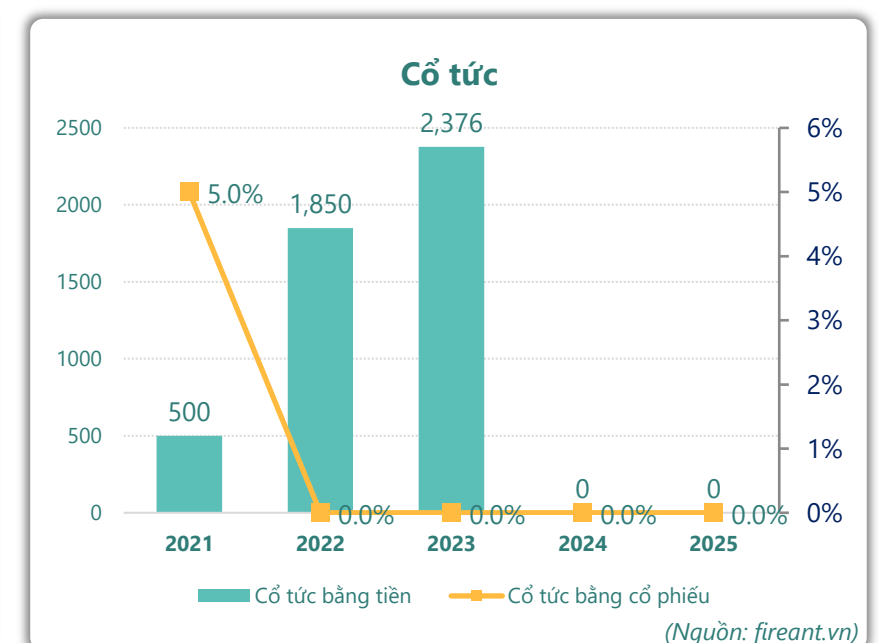
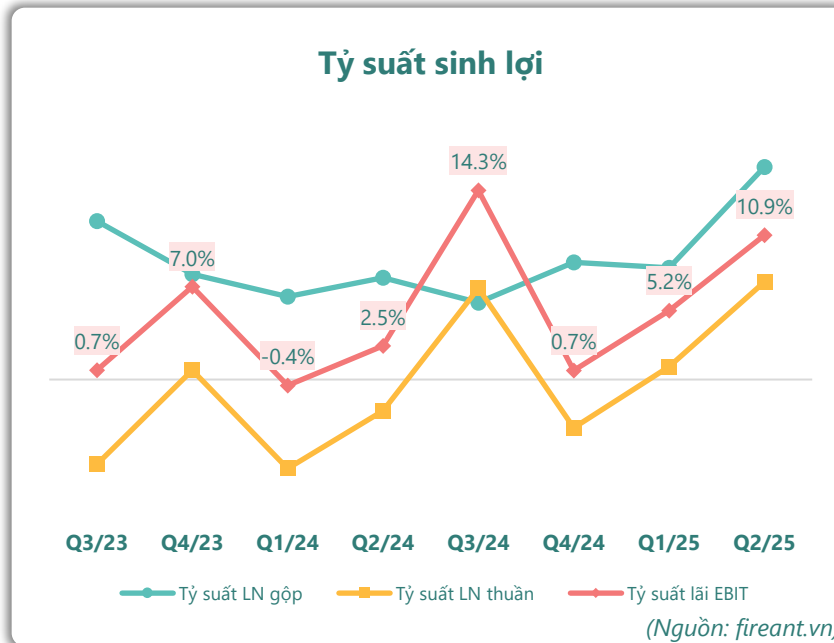
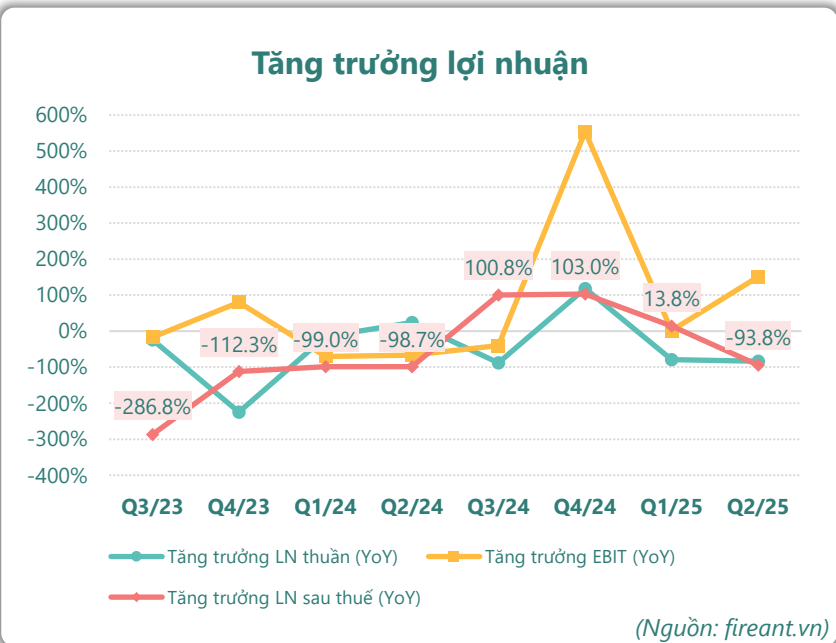
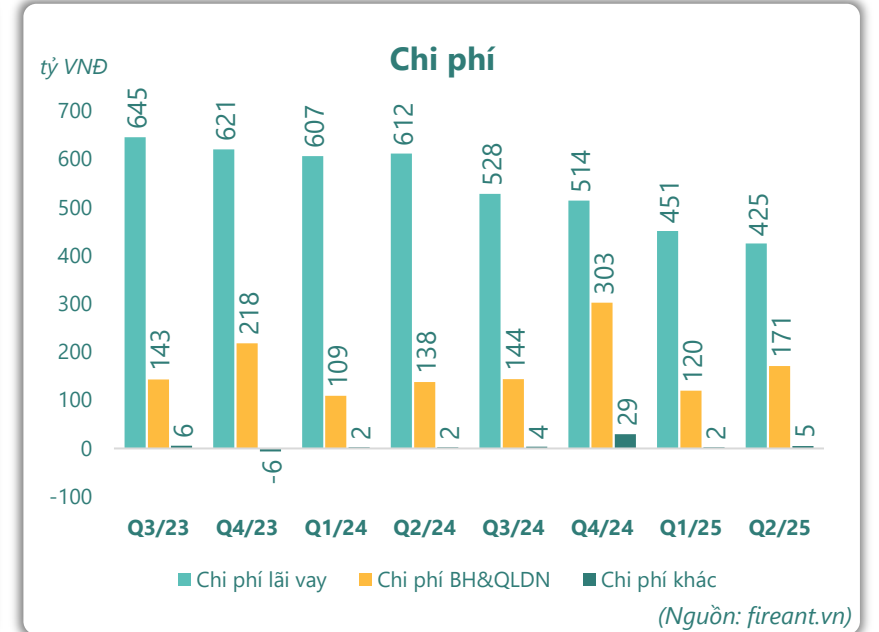
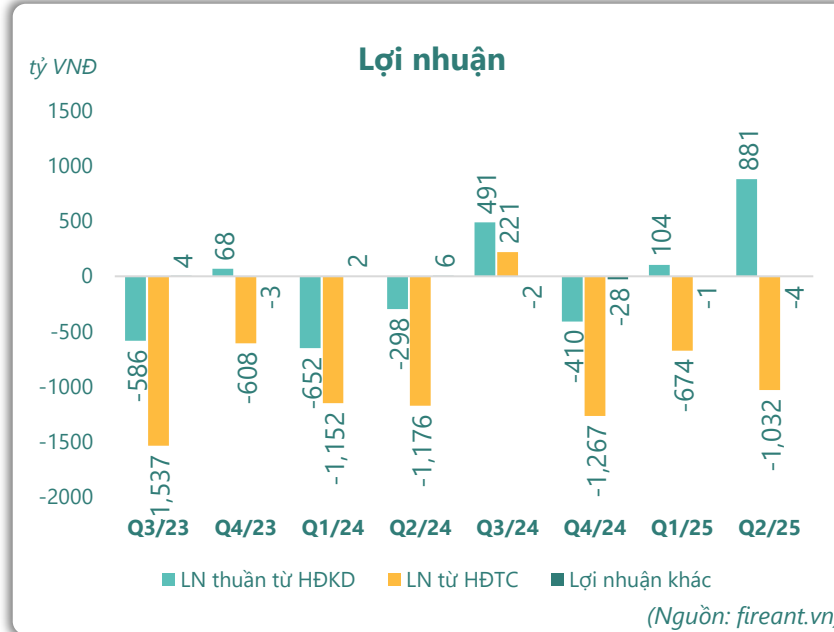
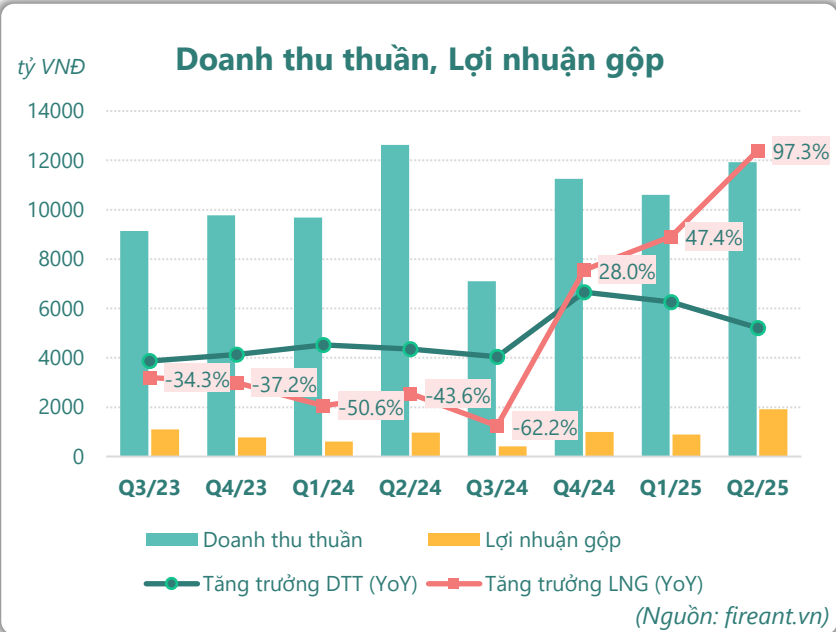
DT thuần 6T 2025
22,539
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 218 1.0%

LN thuần 6T 2025
985
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,935 204%

LN sau thuế 6T 2025
978
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,924 203%



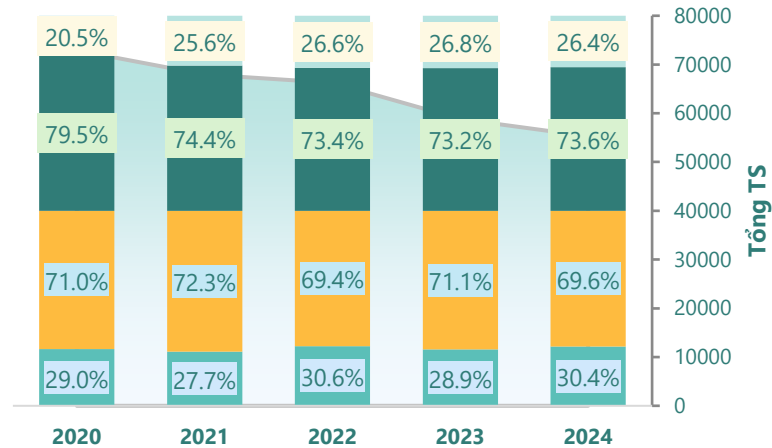
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

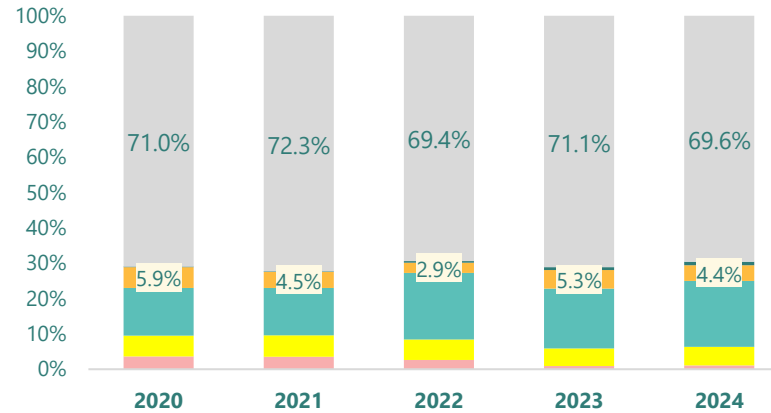
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

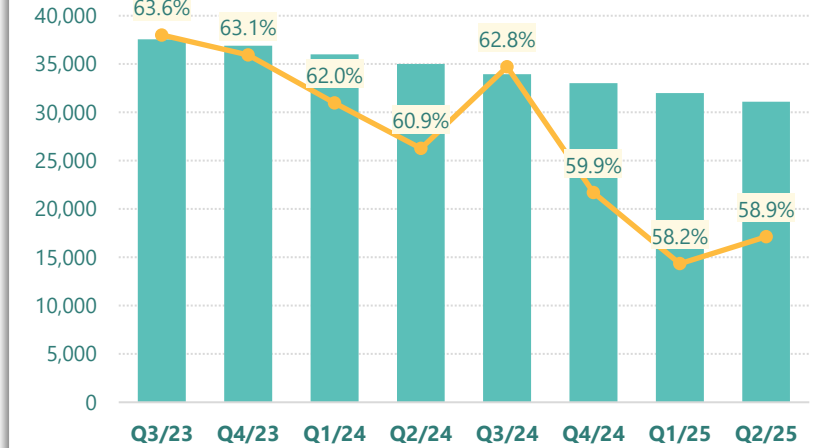


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

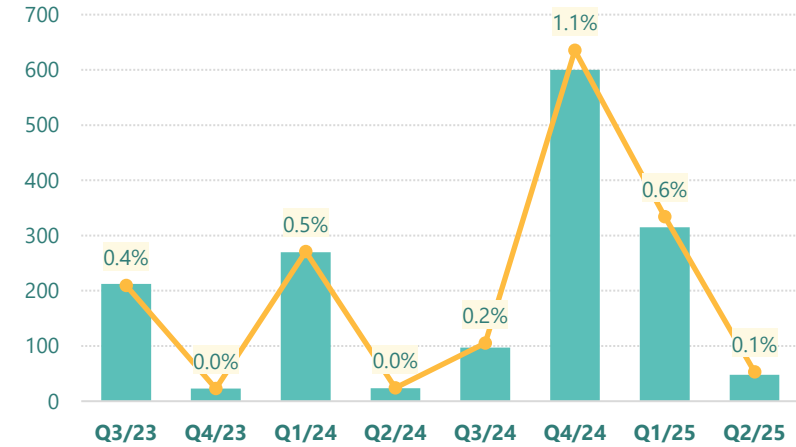


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

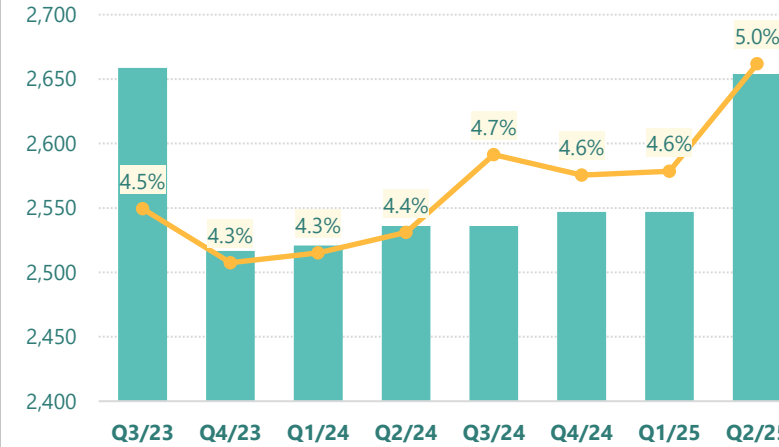


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

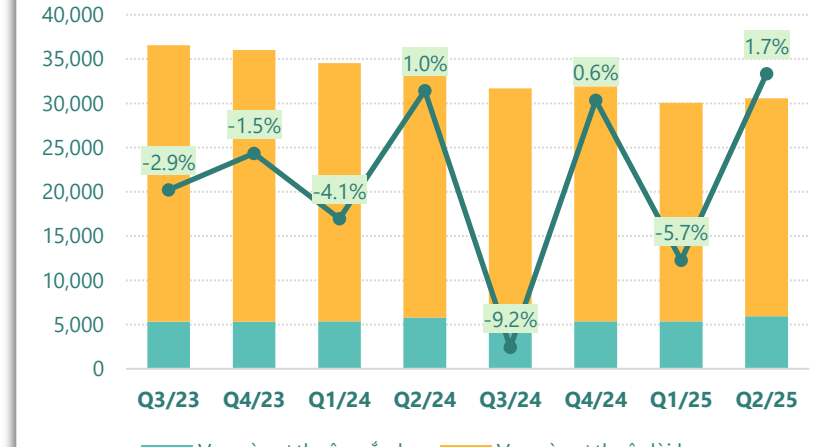


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



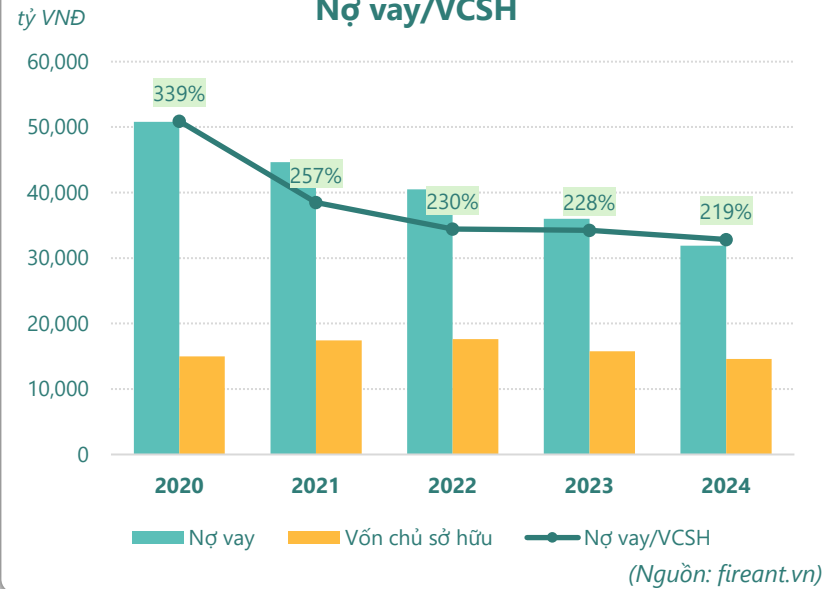
■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

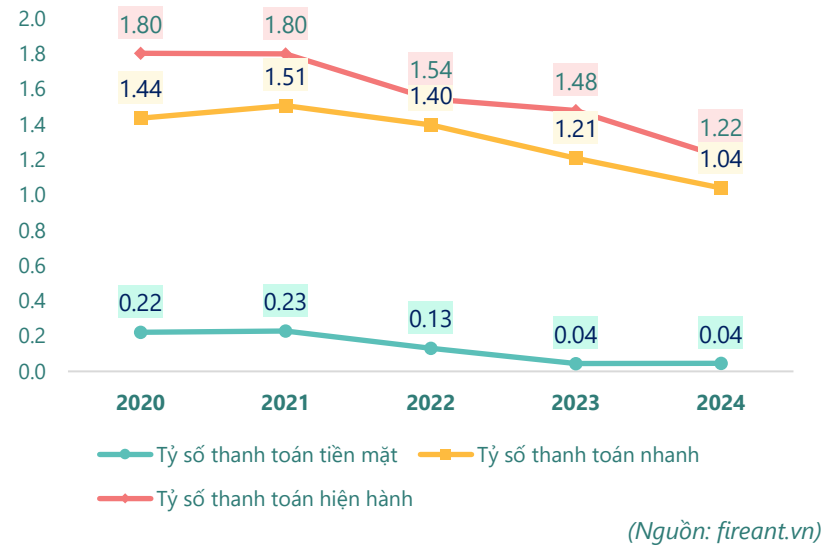
(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

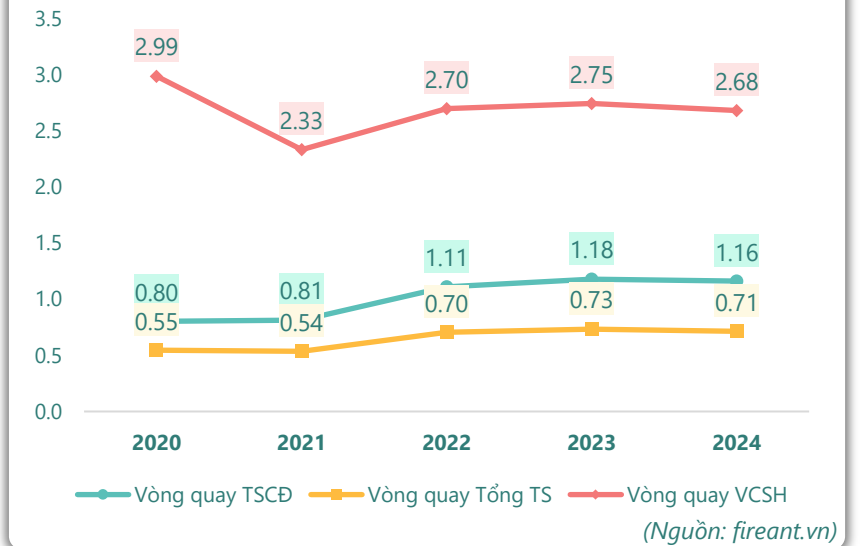
Nợ vay/VCSH



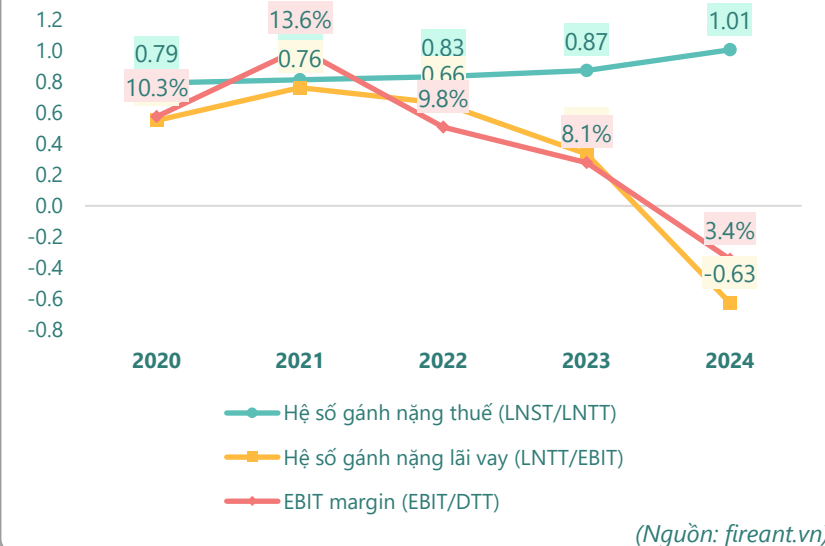
Chỉ số thanh khoản



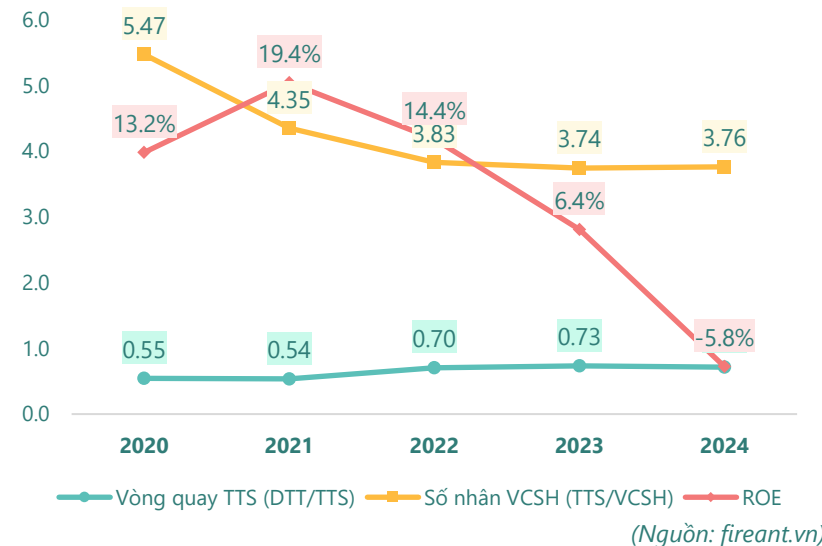
Vòng quay tài sản



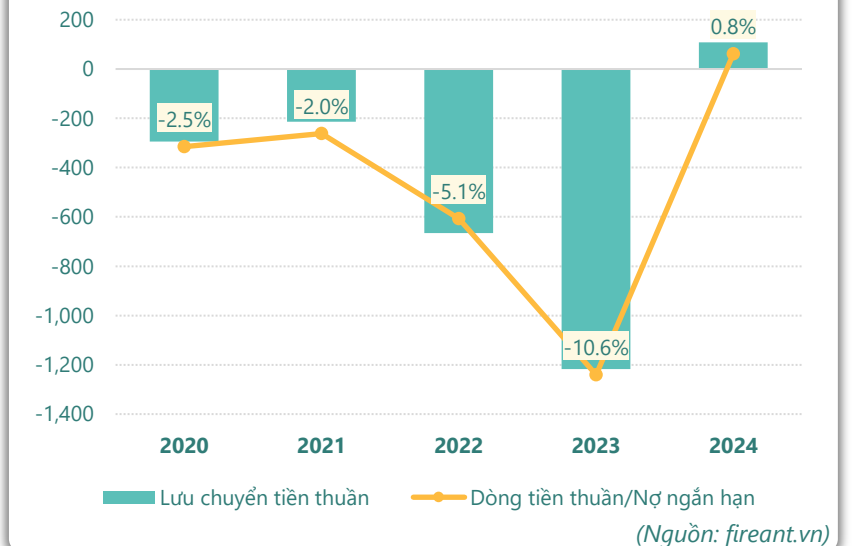
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	11,931	12,633	-5.6%	22,539	22,321	1.0%
Giá vốn hàng bán	10,012	11,661	-14.1%	19,723	20,740	-4.9%
Lợi nhuận gộp	1,919	972	97.4%	2,816	1,581	78.1%
Doanh thu HĐTC	31.3	27.9	12.1%	80.7	119	-32.2%
Chi phí TC	1,063	1,204	-11.7%	1,787	2,447	-27.0%
Chi phí lãi vay	425	612	-30.5%	876	1,219	-28.1%
LN trong công ty LKLD	165	43.7	279%	165	43.7	279%
Chi phí bán hàng	0.03	0.05	-44.3%	0.05	0.09	-42.4%
Chi phí QLDN	171	138	23.8%	290	247	17.7%
LN thuần từ HĐKD	881	-298	396%	985	-950	204%
Lợi nhuận khác	-3.84	5.73	-167%	-5.09	7.71	-166%
LN trước thuế	878	-292	401%	980	-942	204%
Lợi nhuận sau thuế	877	-294	398%	978	-946	203%
LNST của CĐ cty mẹ	875	-295	397%	971	-950	202%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	64.7	-677	1,296	-173	-340	-130
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	163	73.1	85.9	-247	44.2	40.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-183	310	-505	-100	-63.3	405
Tiền đầu kỳ	510	555	261	1,139	619	260
Lưu chuyển tiền thuần	44.8	-293	877	-520	-359	315
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	555	261	1,139	619	260	575

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	52,848	55,267	-4.4%
Tài sản ngắn hạn	16,692	16,821	-0.8%
Tiền và tương đương tiền	575	619	-7.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,745	2,880	-4.7%
Phải thu ngắn hạn	9,957	10,331	-3.6%
Hàng tồn kho	2,893	2,454	17.9%
Tài sản ngắn hạn khác	523	537	-2.7%
Tài sản dài hạn	36,156	38,446	-6.0%
Phải thu dài hạn	0.40	3.66	-89.1%
Tài sản cố định	31,104	33,015	-5.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	48.1	613	-92.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,654	2,547	4.2%
Tài sản dài hạn khác	2,349	2,268	3.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	37,310	40,697	-8.3%
Nợ ngắn hạn	11,696	13,814	-15.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,938	5,885	0.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	3,994	5,610	-28.8%
Nợ dài hạn	25,614	26,883	-4.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	24,638	26,010	-5.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	15,538	14,570	6.6%
Vốn chủ sở hữu	15,538	14,570	6.6%
Vốn điều lệ	11,235	11,235	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

